TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 57 /2020/HNGĐ-ST
Ngày: 21/8/2020
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Hà
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Quy.
2. Ông Dương Văn Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ không tham gia phiên tòa (theo văn bản số 243/CV-VKS-DS ngày 05/8/2020).

Ngày 21 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 191/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2020/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Ngọc Q, sinh năm: 1989.
Địa chỉ: Ấp 1, xã Gia Canh, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.
2. Bị đơn: Chị Tằng Thị Thu V, sinh năm: 1994.
Địa chỉ: Ấp 1, xã Gia Canh, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.
Chỗ ở hiện nay: Ấp 3, xã Thanh Sơn, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.
(Anh Q và chị V đều vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***- Theo đơn khởi kiện ngày 06/5/2020, bản khai nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc Q trình bày*:**

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị V tự nguyện kết hôn năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Gia Canh, đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 164 năm 2015. Vợ chồng chung sống đến năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không còn hợp nhau nên thường xuyên cãi vả, bất đồng trong cuộc sống. Do không thể hòa giải để tiếp tục chung sống nên anh và chị V đã sống ly thân với nhau từ năm 2017. Nay anh nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, không thể hàn gắn để tiếp tục chung sống, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị V.

Về con chung: Anh và chị V có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Như Ý, sinh ngày 02/9/2016. Khi ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp trông nom chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục, anh không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Q đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt do anh đi làm ăn xa nên không có điều kiện về tham gia tố tụng tại Tòa án.

***- Theo bản khai ngày 15/6/2020 bị đơn chị Tằng Thị Thu V trình bày*:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Q tự nguyện kết hôn năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Gia Canh, đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 164 năm 2015. Vợ chồng chung sống đến năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn. Chị thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không còn hợp nhau nên thường xuyên cãi vả, bất đồng trong cuộc sống. Do không thể hòa giải để tiếp tục chung sống nên anh và chị V đã sống ly thân với nhau từ năm 2017 như anh Q trình bày. Nay chị nhận thấy vợ chồng không thể đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên đồng ý ly hôn với anh Q.

Về con chung: Chị và anh Q có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Như Ý, sinh ngày 02/9/2016. Chị đồng ý giao con chung cho anh Q được trực tiếp trông nom chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục, chị không cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị V đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt do chị đi làm ăn xa nên không có điều kiện về tham gia tố tụng tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc Q và bị đơn chị Tằng Thị Thu V có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn chị Tằng Thị Thu V cư trú tại ấp 3, xã Thanh Sơn, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ pháp luật: Anh Nguyễn Ngọc Q khởi kiện yêu cầu ly hôn, yêu cầu giải quyết việc nuôi con nên quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về luật áp dụng: Anh Nguyễn Ngọc Q và chị Tằng Thị Thu V đăng ký kết hôn năm 2015 nên áp dụng luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[5] Về xác định tư cách đương sự: Căn cứ Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xác định anh Nguyễn Ngọc Q là nguyên đơn, chị Tằng Thị Thu V là bị đơn.

[6] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Ngọc Q và chị Tằng Thị Thu V tự nguyện kết hôn, hôn nhân không vi phạm điều cấm của pháp luật, đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Lợi và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2015 nên được công nhận hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Q: Anh Q xin ly hôn với lý do vợ chồng mâu thuẫn trong quan điểm sống, vợ chồng đã ly thân từ năm 2017 và hiện nay anh không còn tình cảm với chị V. Chị V cũng khẳng định mâu thuẫn vợ chồng như anh Q nêu là đúng, vợ chồng đã ly thân từ năm 2017 không quan tâm, chăm sóc, không thực hiện quyền nghĩa vụ chung của vợ chồng, không có khả năng đoàn tụ. Do đó chị cũng đồng ý yêu cầu xin ly hôn của anh Q. Vì vậy, anh Q xin ly hôn với chị Minh là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 51, 53, 54, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

Về con chung: Anh Q và chị V có 01 con chung tên là Nguyễn Ngọc Như Ý, sinh ngày 02/9/2016, hiện đang do anh Q nuôi dưỡng. Xét thấy, anh Q đang nuôi con tốt, có nguyện vọng nuôi con sau ly hôn, chị V cũng đồng ý để anh Q nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử giao cháu Ý cho anh Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời chị V không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do anh Q chưa yêu cầu.

Vì quyền lợi của con chung, chị V có quyền thăm, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Anh Q, chị V có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[7] Do Tòa án không thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát có văn bản không tham gia tại phiên tòa theo quy định tại Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự như nêu trên.

[8] Về án phí: Anh Nguyễn Ngọc Q phải chịu 300.000đ tiền án phí theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 68, Điều 147, Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 53, 54, 56, 81, 82, 83, 84, 131 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Ngọc Q. anh Nguyễn Ngọc Q được ly hôn với chị Tằng Thị Thu V.

2. Về con chung: Giao con chung tên là Nguyễn Ngọc Như Ý, sinh ngày 02/9/2016 cho anh Nguyễn Ngọc Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời chị Tằng Thị Thu V không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Tằng Thị Thu V có quyền thăm, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, chị Tằng Thị Thu V và anh Nguyễn Ngọc Q có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình: Anh Nguyễn Ngọc Q phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Số tiền 300.000đ tạm ứng án phí anh Q đã nộp theo biên lai số 0005098 ngày 21/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ được chuyển thành tiền án phí. Anh Q đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Ngọc Q và chị Tằng Thị Thu V được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- UBND xã Gia Canh;
- Lưu.

Phan Thanh Hà

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

Phan Thanh Hà